

Số:115/2023/QĐST-HNGĐ

Phổ Yên, ngày 14 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 152/2023/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 7 năm 2023 giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Xóm Đ8B, xã MĐức, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

- **Bị đơn:** Anh Vũ Văn H, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Xóm Đ8B, xã MĐ, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55,59,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị T, anh H đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là: Vũ Thị L, sinh ngày 19/8/2003 và Vũ Văn B, sinh ngày 10/7/2009.

Chị T, anh H thống nhất thoả thuận: Giao cho anh Vũ Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Vũ Văn B, sinh ngày 10/7/2009 cho đến

khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ trực tiếp nuôi con và các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Đối với cháu Vũ Thị L, sinh ngày 19/8/2003 đã trưởng thành muốn ở với ai thì tùy cháu không đặt ra việc giải quyết.

2.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T, anh H thống nhất thỏa thuận: Anh H nuôi con và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T cho đến khi anh H có yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

2.4. Về tài sản chung: Chị T, anh H thống nhất tự thỏa thuận việc phân chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn và đề nghị Tòa án ghi nhận như sau:

- Giao cho chị Nguyễn Thị T được sử dụng Thửa đất số 234, tờ bản đồ số 61 diện tích 2323,5 m² đất rừng sản xuất, vị trí thửa đất tại: Xóm Chằm, xã Minh Đức, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ĐĐ 700703 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 01/11/2021 mang tên bà Nguyễn Thị T.

- Giao cho anh Vũ Văn H được quyền sử dụng thửa đất số 256, diện tích 571,1 m²; thửa 257, diện tích 977,5, đều thuộc tờ bản đồ số 46, mục đích sử dụng đều là đất trồng cây lâu năm. Vị trí các thửa đất đều ở: Xóm Đ8B, xã MĐ, thành phố PYên, tỉnh Thái Nguyên (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 293876 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 28/10/2021 mang tên ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn H được quyền sử dụng, sở hữu 01 một nhà ở một tầng khung bê tông cốt thép, diện tích 210 m², đồ mái bằng phía trên có dãn ngói chống nóng. Nhà được xây dựng trên thửa đất 257, tờ bản đồ số 46 vị trí thửa đất tại: Xóm Đ8B, xã MĐ, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

Anh Vũ Văn H phải có trách nhiệm trích chia cho chị Nguyễn Thị T 250.000.000đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) để chị T trả cho chị Nguyễn Thị T (là chị gái chị T, số tiền này là tiền vợ chồng vay của chị T khi làm nhà). Thời hạn anh H trích chia tiền cho chị T được chia làm 3 đợt như sau);

Đợt 1: Ngày 27 tháng 7 năm 2023 anh H có trách nhiệm trả cho chị T 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng).

Đợt 2: Ngày 28 tháng 12 năm 2023 anh H có trách nhiệm trả cho chị T 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng).

Đợt 3: Ngày 28 tháng 5 năm 2024 anh H có trách nhiệm trả nốt cho chị T 150.000.000đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Chị T phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ 250.000.000đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) này cho chị T.

2.5. Về khoản cho vay chung: Không có.

2.6. Về án phí: Chị T, anh H thống nhất thỏa thuận chị T chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P Y tại Biên lai thu số 0001561 ngày 27/7/2023. Hoàn trả lại cho chị T 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có H lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời H thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố PY;
- THADS thành phố PY;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- UBND xã M Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký tên)

Hà Thị Thu Thủy